

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý hoạt động hợp tác khoa học, công nghệ
và đổi mới sáng tạo của Trường Đại học Điện lực**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐT ngày 30 tháng 05 năm 2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Điện lực ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Điện lực;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 125/2026/NĐ-CP ngày 06/4/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1531/QĐ-ĐHDL ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Trường Đại học Điện lực ban hành Quy chế hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Trường Đại học Điện lực;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định quản lý hoạt động hợp tác khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Trường Đại học Điện lực”.

Điều 2. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các quy định có liên quan tới công tác quản lý hoạt động hợp tác trong nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trước đây không phù hợp với Quy định này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Trưởng các đơn vị: Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế, Phòng Quản lý Đào tạo, Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Kế hoạch - Tài chính, các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Điện lực và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để th/h);
- Ban Giám hiệu (để chỉ đạo th/h);
- Lưu: VT, QLKH&HTQT, AnLTQ(03).


HIỆU TRƯỞNG
Đinh Văn Châu

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý hoạt động hợp tác khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Trường Đại học Điện lực

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1582/QĐ-ĐHDL ngày 16 tháng 6 năm 2026
của Trường Đại học Điện lực)

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định các hình thức, quy trình rà soát, thẩm định, thẩm quyền ký kết, tổ chức quản lý, giám sát và đánh giá hiệu quả đối với các hoạt động hợp tác (trong và ngoài nước) về nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ, công bố khoa học, chia sẻ dữ liệu, trao đổi chuyên gia, đồng hướng dẫn nghiên cứu, đồng tổ chức hội thảo và dự án liên quan của Trường Đại học Điện lực (sau đây gọi tắt là Trường hoặc Nhà trường).

2. Quy định này áp dụng đối với các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường; viên chức, người lao động (VC, NLĐ), người học và các tổ chức, cá nhân đối tác tham gia hoạt động hợp tác với Nhà trường.

3. Hoạt động hợp tác quốc tế trong đào tạo, tuyển sinh, liên kết đào tạo, đầu tư giáo dục được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc quy định riêng của Nhà trường; trường hợp các chương trình này có chứa nội dung nghiên cứu khoa học hoặc phát sinh sản phẩm học thuật thì đồng thời áp dụng Quy định này.

Điều 2. Nguyên tắc hợp tác khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Hoạt động hợp tác lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH-CN & ĐMST) tại Trường phải thực hiện theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện, cùng có lợi, gắn kết nghiên cứu với thực tiễn thị trường, huy động hiệu quả nguồn lực và chia sẻ rủi ro theo đúng quy định tại Điều 12 và Điều 13 Nghị định số 125/2026/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ.

2. Các chương trình, dự án, thỏa thuận hợp tác trong và ngoài nước phải bám sát định hướng chiến lược, bảo đảm quyền tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình và thực hiện đúng các nguyên tắc cốt lõi về đối ngoại, phát triển tiềm lực

khoa học công nghệ được quy định tại Chương VI Quy chế hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Trường Đại học Điện lực.

3. Ngoài các nguyên tắc được quy định tại Khoản 1, 2 của Điều này, hoạt động hợp tác tại Trường Đại học Điện lực phải bảo đảm các nguyên tắc bổ sung sau đây:

a) Bảo đảm tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, quy định của đối tác, nhà tài trợ và quy định nội bộ của Trường. Hoạt động hợp tác phải bảo vệ tuyệt đối chủ quyền, an ninh quốc gia, bí mật nhà nước, an toàn dữ liệu cá nhân, tài sản trí tuệ, tài sản công, uy tín học thuật và lợi ích hợp pháp của Trường.

b) Ưu tiên tập trung nguồn lực để thúc đẩy, thiết lập quan hệ hợp tác lâu dài với các tập đoàn, doanh nghiệp, trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước có sở hữu công nghệ nguồn, năng lực nghiên cứu mạnh và có khả năng tài trợ, hỗ trợ trang thiết bị hiện đại thuộc lĩnh vực, các ngành mũi nhọn của Trường;

c) Cam kết hợp tác phải đi vào thực tiễn, mang lại giá trị cho các bên; nghiêm cấm việc các đơn vị, cá nhân tự ý lấy danh nghĩa hợp tác của Trường để làm ảnh hưởng đến uy tín của Nhà trường cũng như của đối tác.

d) Hoạt động hợp tác KHCN&ĐMST phải bảo đảm liêm chính học thuật, đạo đức nghiên cứu, minh bạch trong quản lý dữ liệu và phòng ngừa xung đột lợi ích trong toàn bộ quá trình triển khai hợp tác.

Điều 3. Các hình thức hợp tác khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Phối hợp đề xuất, xây dựng, đồng tài trợ, đồng đầu tư hoặc nhận đặt hàng thực hiện các nhiệm vụ, đề tài nghiên cứu khoa học, dự án phát triển công nghệ, thử nghiệm công nghệ mới và các giải pháp đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

2. Phối hợp đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, nâng cấp trang thiết bị, thành lập hoặc tham gia vận hành các phòng thí nghiệm chung, phòng thí nghiệm quốc tế, trung tâm nghiên cứu xuất sắc và các trung tâm đổi mới sáng tạo tại Nhà trường nhằm phục vụ mục đích nghiên cứu và chia sẻ hạ tầng dùng chung.

3. Triển khai hoạt động mua bán, chuyển giao công nghệ, khai thác quyền sở hữu trí tuệ, dịch vụ tư vấn khoa học công nghệ, ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn và các hoạt động thúc đẩy hệ sinh thái ươm tạo, khởi nghiệp sáng tạo.

4. Tổ chức tiếp nhận chuyên gia, nhà khoa học, giảng viên tham gia giảng

dạy, hướng dẫn thực tập, phối hợp nghiên cứu tại Trường; đồng thời cử viên chức, giảng viên, người học của Trường đi học tập, trao đổi học thuật, thực tập nghiên cứu trong môi trường sản xuất của doanh nghiệp hoặc tại các cơ sở giáo dục đại học nước ngoài.

5. Phối hợp chủ trì hoặc tham gia tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn công nghệ quy mô trong nước và quốc tế; hợp tác triển khai các ấn phẩm khoa học và đồng công bố các kết quả nghiên cứu chung trên các hệ thống tạp chí uy tín.

6. Tham gia vào các mạng lưới, hiệp hội khoa học công nghệ, tổ chức đổi mới sáng tạo khu vực và quốc tế; thực hiện liên kết với các tổ chức khoa học công nghệ ngoài nước hoặc các hình thức hợp tác hợp pháp khác theo quyết định của Hiệu trưởng, bảo đảm phù hợp với chiến lược phát triển và thẩm quyền tự chủ của Nhà trường.

Điều 4. Phân loại hình thức văn bản hợp tác

1. Các hình thức văn bản hợp tác được áp dụng để cụ thể hóa và ghi nhận các nội dung quy định tại Điều 3 Quy định này bao gồm:

- a) Biên bản ghi nhớ khung (MoU);
- b) Bản thỏa thuận triển khai dự án (MoA);
- c) Hợp đồng nghiên cứu và phát triển (R&D);
- d) Thỏa thuận bảo mật thông tin (NDA);
- đ) Thỏa thuận chia sẻ dữ liệu (DTA);
- e) Thỏa thuận chuyển giao vật liệu hoặc mẫu kỹ thuật (MTA);
- g) Hợp đồng dịch vụ khoa học công nghệ;
- h) Hợp đồng chuyển giao công nghệ;
- i) Thỏa thuận đồng công bố;
- k) Thỏa thuận đồng sở hữu tài sản trí tuệ ;
- l) Các hình thức hợp pháp khác.

2. Biên bản ghi nhớ khung (MoU) chỉ mang tính chất ghi nhận định hướng hợp tác lâu dài giữa các bên. Khi phát sinh bất kỳ nghĩa vụ nào liên quan đến tài chính, điều chuyển tài sản, chia sẻ dữ liệu công nghệ, hoặc chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ, các bên phải ký kết các dạng Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, Hợp đồng dịch vụ khoa học công nghệ, Hợp đồng chuyển giao

công nghệ hoặc các hình thức hợp đồng kinh tế tương ứng theo đúng quy định pháp luật.

3. Văn bản hợp tác bằng tiếng nước ngoài phải có bản tiếng Việt hoặc bản dịch nội bộ kèm theo; trường hợp ký bằng nhiều ngôn ngữ phải quy định rõ ngôn ngữ ưu tiên áp dụng khi có tranh chấp xảy ra.

4. Việc trao đổi thông tin, khảo sát, xây dựng đề xuất và chuẩn bị hồ sơ hợp tác với đối tác được thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao và các thỏa thuận đã ký kết. Các hoạt động làm phát sinh nghĩa vụ pháp lý, tài chính hoặc chuyển giao tài sản, dữ liệu, công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ chỉ được thực hiện sau khi có văn bản hợp tác hoặc hợp đồng chính thức theo quy định.

CHƯƠNG II. HỢP TÁC TRONG LĨNH VỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 5. Lập hồ sơ đề xuất và công khai năng lực công nghệ

1. Đơn vị hoặc cá nhân được đơn vị giao chủ trì đề xuất hợp tác có trách nhiệm phối hợp với đối tác trong và ngoài nước để lập đầy đủ hồ sơ đề xuất hợp tác bao gồm:

a) Thông tin chi tiết về tư cách pháp nhân, năng lực hoạt động KHCN&ĐMST và các thông tin liên quan đến nội dung hợp tác;

b) Thuyết minh chi tiết về: mục tiêu hợp tác; nội dung chuyên môn; dự kiến thời gian thực hiện; tổng kinh phí và phương án phân bổ; dự kiến sản phẩm; phương án xử lý dữ liệu, quyền sở hữu trí tuệ và dự thảo văn bản hợp tác kèm theo.

2. Trường đơn vị đề xuất chịu trách nhiệm về tính trung thực, đầy đủ của hồ sơ và thông tin do đơn vị cung cấp trong quá trình đề xuất hợp tác

3. Trong trường hợp cần thiết, Nhà trường có thể yêu cầu đơn vị, cá nhân chủ trì đề xuất phối hợp với đối tác cung cấp các tài liệu phục vụ việc rà soát, thẩm định và đánh giá khả năng hợp tác.

4. Các đơn vị, cá nhân chủ động cập nhật thông tin về năng lực nghiên cứu, cơ sở vật chất và kết quả nghiên cứu trên hệ thống thông tin của Trường theo hướng dẫn của Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế (QLKH&HTQT) nhằm phục vụ hoạt động kết nối và phát triển hợp tác với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

Điều 6. Thẩm định và rà soát văn bản hợp tác

1. Việc rà soát, thẩm định văn bản hợp tác được thực hiện căn cứ vào tính chất, phạm vi hợp tác, nội dung chuyên môn, yếu tố tài chính, dữ liệu, sở hữu trí tuệ, công nghệ và các yếu tố liên quan khác theo quy định của pháp luật và của Trường.

2. Phòng QLKH&HTQT chủ trì phối hợp với các đơn vị chức năng rà soát, thẩm định các nội dung văn bản hợp tác trước khi trình Hiệu trưởng xem xét, quyết định:

a) Nội dung chuyên môn, tính khả thi, hiệu quả ứng dụng, mức độ an toàn dữ liệu, khả năng thương mại hóa và mức độ phù hợp với chiến lược phát triển của Trường;

b) Thẩm quyền đại diện ký kết của các bên; luật áp dụng và cơ chế giải quyết tranh chấp;

c) Phương án phân chia quyền sở hữu trí tuệ phát sinh; quyền và thời hạn công bố thông tin học thuật;

d) Điều khoản bảo mật thông tin (NDA) và chia sẻ dữ liệu (DTA); cơ chế tài chính và các nghĩa vụ tài chính liên quan.

3. Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng QLKH&HTQT chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hoàn thành việc rà soát, thẩm định và trình Hiệu trưởng xem xét, quyết định. Trường hợp hồ sơ cần bổ sung hoặc nội dung hợp tác có tính chất phức tạp, Phòng QLKH&HTQT thông báo bằng văn bản cho đơn vị đề xuất để hoàn thiện hồ sơ hoặc phối hợp xử lý.

4. Nhà trường không ký kết hoặc tạm dừng triển khai hoạt động hợp tác trong trường hợp phát hiện nội dung hợp tác, đối tác hoặc nguồn tài trợ có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc có nguy cơ ảnh hưởng đến quyền lợi, tài sản, dữ liệu, uy tín hoặc an toàn của Nhà trường.

Điều 7. Thẩm quyền ký kết văn bản hợp tác

1. Hiệu trưởng là người có thẩm quyền ký kết các văn bản hợp tác nhân danh Trường Đại học Điện lực; trường hợp cần thiết, Hiệu trưởng có thể ủy quyền bằng văn bản cho Phó Hiệu trưởng ký kết theo quy định của pháp luật và của Trường.

2. Các văn bản hợp tác có nội dung cam kết về tài chính, tài sản, dữ liệu, quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, sử dụng thương hiệu của Trường

hoặc các nội dung khác có thể ảnh hưởng đến trách nhiệm pháp lý, tài chính hoặc uy tín của Nhà trường phải do Hiệu trưởng trực tiếp ký kết; trường hợp đặc biệt, việc ủy quyền ký kết phải được thực hiện bằng văn bản.

3. Đối với đơn vị trực thuộc Trường có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật, người đứng đầu đơn vị được ký kết các văn bản hợp tác thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của đơn vị theo quy định của pháp luật, quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị và quy định của Trường.

4. Đơn vị trực thuộc Trường quy định tại khoản 3 Điều này phải báo cáo và được Hiệu trưởng chấp thuận trước khi ký kết văn bản hợp tác trong các trường hợp sau:

- a) Văn bản được ký nhân danh Trường Đại học Điện lực;
- b) Văn bản có sử dụng tên gọi, biểu trưng, thương hiệu hoặc uy tín của Trường để cam kết với đối tác;
- c) Văn bản làm phát sinh quyền, nghĩa vụ tài chính hoặc trách nhiệm pháp lý của Trường;
- d) Văn bản liên quan đến tài sản, dữ liệu dùng chung, quyền sở hữu trí tuệ của Trường hoặc kết quả nghiên cứu được hình thành từ nguồn lực của Trường;
- đ) Văn bản thuộc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc theo quyết định của Hiệu trưởng.

5. Đơn vị, cá nhân không được nhân danh Nhà trường để cam kết, quảng bá, xác nhận hoặc triển khai các nội dung hợp tác khi chưa được phê duyệt theo quy định.

CHƯƠNG III. QUẢN LÝ DỰ ÁN, DỮ LIỆU, CÔNG BỐ VÀ HỘI THẢO

Điều 8. Quản lý chương trình, dự án hợp tác nghiên cứu

1. Đối với mỗi chương trình, dự án hợp tác nghiên cứu, Nhà trường chỉ định một đơn vị thuộc hoặc trực thuộc Trường làm đơn vị chủ trì chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch triển khai, dự toán ngân sách chi tiết, xác định sản phẩm đầu ra, cơ chế nghiệm thu và phương án xử lý rủi ro.

2. Đơn vị chủ trì chịu trách nhiệm trực tiếp trước Hiệu trưởng về quản lý chuyên môn, tiến độ, nhân sự, kinh phí và các nghĩa vụ cam kết chuyên môn với đối tác.

3. Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức quản lý hoạt động hợp tác KHCN&ĐMST trên nền tảng số dùng chung của Trường; bảo đảm lưu trữ điện tử, kết nối dữ liệu, truy xuất hồ sơ, theo dõi tiến độ và phục vụ công tác quản trị điều hành.

4. Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế chịu trách nhiệm làm đầu mối theo dõi, kiểm tra, hỗ trợ hoàn thiện hồ sơ và tổng hợp báo cáo Hiệu trưởng theo định kỳ hằng năm hoặc đột xuất.

Điều 9. Bảo mật và chia sẻ dữ liệu nghiên cứu

1. Trước khi thực hiện chia sẻ dữ liệu, mẫu kỹ thuật, phần mềm, mã nguồn, bản vẽ hoặc tài liệu chuyên môn cho đối tác, đơn vị chủ trì phải tiến hành phân loại thông tin và quản lý chặt chẽ theo đúng thỏa thuận hợp đồng, pháp luật về an ninh mạng, sở hữu trí tuệ và quy định bảo mật của Trường.

2. Dữ liệu nghiên cứu hình thành từ hoạt động hợp tác phải được lưu trữ, quản lý và khai thác trên hệ thống dữ liệu số dùng chung của Trường theo nguyên tắc bảo đảm tính toàn vẹn, khả năng truy xuất, phân quyền truy cập và an toàn thông tin. Đơn vị chủ trì có trách nhiệm phối hợp cập nhật dữ liệu, hồ sơ nghiên cứu, báo cáo tiến độ và sản phẩm khoa học lên hệ thống theo quy định của Nhà trường.

3. Nhà trường khuyến khích phát triển dữ liệu nghiên cứu mở đối với các kết quả nghiên cứu không thuộc danh mục bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh hoặc các nội dung bị hạn chế công bố theo cam kết với đối tác, nhà tài trợ và quy định pháp luật. Việc công bố, chia sẻ và lưu trữ dữ liệu nghiên cứu mở phải tuân thủ quy định về sở hữu trí tuệ, bảo vệ dữ liệu cá nhân và quy định quản lý dữ liệu số của Trường.

4. Việc chia sẻ dữ liệu phải được ràng buộc cụ thể bằng văn bản thỏa thuận chia sẻ dữ liệu (DTA) hoặc các điều khoản cụ thể trong hợp đồng, bảo đảm không làm lộ bí mật kinh doanh, dữ liệu cá nhân, bí mật nhà nước, bí mật kỹ thuật hoặc làm mất khả năng bảo hộ sở hữu trí tuệ của Trường.

5. Nghiêm cấm tuyệt đối hành vi tự ý chia sẻ các nguồn dữ liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước, dữ liệu chưa được phép công khai, dữ liệu cá nhân chưa có căn cứ xử lý hợp pháp, dữ liệu thuộc quyền sở hữu của bên thứ ba hoặc bị hạn chế theo các cam kết tài trợ khác.

6. Khi xảy ra sự cố an toàn thông tin hoặc rò rỉ dữ liệu trong quá trình hợp tác, đơn vị chủ trì phải áp dụng ngay các biện pháp ngăn chặn, hạn chế thiệt hại và báo cáo Hiệu trưởng, đồng thời thông báo cho các đơn vị chức năng liên quan

trong thời hạn không quá 24 giờ kể từ thời điểm phát hiện sự cố để xem xét, chỉ đạo phương án xử lý, khắc phục.

Điều 10. Quản lý công bố khoa học

1. Công bố kết quả NCKH&ĐMST phải thực hiện theo Điều 17, Quy chế hoạt động KHCN&ĐMST của Trường.

2. Các công bố khoa học phát sinh từ hoạt động hợp tác phải tuân thủ đạo đức nghiên cứu và chuẩn mực về quyền tác giả; ghi nhận đúng, khách quan vai trò và mức độ đóng góp thực tế của các bên tham gia; Trường hợp nội dung công bố có khả năng bảo hộ sở hữu trí tuệ hoặc ảnh hưởng đến quyền thương mại hóa, nhóm tác giả phải chủ động khai báo và xin ý kiến Hiệu trưởng phê duyệt trước khi nộp bản thảo.

3. Nhà trường áp dụng các hình thức kỷ luật nghiêm khắc, nghiêm cấm các hành vi trục lợi học thuật bao gồm nhưng không giới hạn ở: mượn danh đối tác, mua bán tên tác giả, gắn tên người không đóng góp chuyên môn, gửi công bố trùng lặp, thao túng chỉ số trích dẫn hoặc sử dụng trái phép dữ liệu của Trường.

Điều 11. Sở hữu trí tuệ trong hợp tác

1. Văn bản hợp tác phải quy định minh bạch, rõ ràng quyền sở hữu đối với các kết quả, tài sản trí tuệ sẵn có trước khi hợp tác và các kết quả, tài sản trí tuệ phát sinh, cải tiến công nghệ, phần mềm, dữ liệu, sáng chế, bí mật kinh doanh được hình thành trong quá trình hợp tác cũng như quyền khai thác sau khi dự án kết thúc.

2. Nhà trường không ký kết các điều khoản chuyển giao toàn bộ quyền sở hữu trí tuệ của Trường hoặc quyền công bố học thuật cho đối tác nếu chưa được thẩm định và phê duyệt đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Đối với các kết quả thuộc quyền đồng sở hữu giữa Trường và đối tác, hợp đồng phải quy định cụ thể về cơ chế, đầu mối đứng tên đăng ký bảo hộ, tỷ lệ chi phí duy trì văn bằng bảo hộ, quyền cấp phép thứ cấp, quyền chuyển nhượng, phương án phân chia doanh thu thương mại hóa và cơ chế giải quyết tranh chấp tài sản trí tuệ.

Điều 12. Hợp tác trong tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học

1. Mục đích hợp tác: Hoạt động hợp tác trong tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học giữa Nhà trường và các đối tác trong, ngoài nước nhằm quy tụ mạng lưới chuyên gia, chia sẻ tri thức học thuật đỉnh cao; thúc đẩy công bố quốc tế, nâng cao năng lực nghiên cứu của viên chức và người học; đồng thời khẳng định

uy tín, vị thế học thuật và gia tăng chỉ số nhận diện thương hiệu của Trường Đại học Điện lực trong cộng đồng khoa học.

2. Nguyên tắc hợp tác:

a) Bảo đảm tính học thuật và chính thống: nội dung hội nghị, hội thảo khoa học phải phù hợp với tôn chỉ, mục đích hoạt động, định hướng ngành nghề đào tạo mũi nhọn của Trường và thực hiện theo các quy định pháp luật về quản lý hoạt động hội nghị, hội thảo khoa học;

b) Bình đẳng và cùng có lợi: các bên tham gia hợp tác phải tôn trọng uy tín thương hiệu của nhau, cùng đóng góp nguồn lực tương xứng và cùng chia sẻ các giá trị gia tăng thu được từ hội nghị, hội thảo khoa học;

c) Minh bạch tài chính: mọi nguồn thu, chi phục vụ hội nghị, hội thảo khoa học phải được dự toán chi tiết, minh bạch, hạch toán đúng quy định tài chính hiện hành của các bên và pháp luật.

3. Quyền lợi của các bên

a) Các bên được đồng sở hữu bản quyền đối với Kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học theo tỷ lệ đóng góp; cùng thống nhất phương án lựa chọn, khai thác các bài báo xuất sắc để biên tập, công bố trên Tạp chí Khoa học hoặc các tạp chí quốc tế uy tín thuộc hệ thống liên kết của các bên trên cơ sở có sự đồng ý và chấp thuận bằng văn bản của tác giả (hoặc nhóm tác giả) bài báo; các bên được quyền trích dẫn và sử dụng dữ liệu khoa học chung của hội nghị, hội thảo phục vụ cho các hoạt động nghiên cứu, đào tạo hợp pháp tiếp theo theo đúng quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ.

b) Các bên được hiển thị logo, tên đầy đủ (hoặc tên viết tắt tiếng Anh) ở vị trí trang trọng, tương xứng với vai trò, vị thế đóng góp (đơn vị tổ chức, đồng tổ chức, đơn vị tài trợ...) trên toàn bộ hệ thống sản phẩm truyền thông chính thức của hội nghị, hội thảo; được quyền sử dụng các hình ảnh tư liệu để phục vụ công tác báo cáo và truyền thông thương hiệu của tổ chức mình.

c) Các bên được ưu tiên mời tham gia vào Hội đồng phản biện bài báo; chủ trì/điều hành phiên thảo luận; diễn giả báo cáo chuyên đề tại các phiên chuyên môn của hội nghị, hội thảo; người học và nghiên cứu viên của các bên được hưởng các chính sách ưu đãi về lệ phí đăng ký tham dự (nếu có) theo thỏa thuận.

4. Trách nhiệm của các bên tham gia hợp tác:

a) Hoạt động phối hợp đồng tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học được ghi nhận thông qua văn bản thỏa thuận hợp tác được đại diện pháp luật của các bên

ký tên, đóng dấu hợp pháp trước khi triển khai thực hiện. Các bên có trách nhiệm cùng phối hợp xây dựng và thống nhất trong văn bản thỏa thuận về hình thức đóng góp của mỗi bên trong việc tổ chức hội nghị, hội thảo;

b) Các bên có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ để thành lập Ban tổ chức; phân công kiểm soát chất lượng chuyên môn của bài viết nhằm bảo đảm tính chính thống, an toàn dữ liệu và đạo đức nghiên cứu trước khi đưa vào Kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học hoặc chuyển tiếp lên các Tạp chí liên kết;

c) Các bên có trách nhiệm đồng thông báo kêu gọi viết bài, thể lệ nộp bài ra đại chúng thông qua hệ thống thông tin hoặc các kênh truyền thông chính thức. Nghiêm cấm các bên tự ý nhân danh ban tổ chức để phát hành thông tin kêu gọi viết bài trên các kênh không chính thống nhằm mục đích trục lợi cá nhân hoặc gây nhầm lẫn học thuật;

d) Các bên có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ công tác vận động tài trợ từ các tổ chức, doanh nghiệp (nếu có); thiết kế các gói quyền lợi cho nhà tài trợ một cách minh bạch, công bằng và bảo đảm nguyên tắc không đánh đổi uy tín học thuật lấy lợi ích thương mại. Mọi khoản tài trợ bằng tiền hoặc hiện vật thu được phải được thực hiện theo đúng quy định hiện hành pháp luật và của Nhà trường.

5. Các quy định, quy trình, thủ tục hành chính, hồ sơ đối với từng quy mô hội nghị, hội thảo khoa học được thực hiện theo Quy định hướng dẫn tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học do Hiệu trưởng ban hành.

CHƯƠNG IV. QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, TÀI SẢN CÔNG

Điều 13. Khai thác và quản lý hạ tầng kỹ thuật dùng chung

1. Việc sử dụng chung hệ thống phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, thiết bị, phần mềm, dữ liệu và hạ tầng kỹ thuật hiện có của Trường trong hoạt động hợp tác phải tuân thủ nghiêm các nguyên tắc sau:

a) Bảo đảm ưu tiên số một cho hoạt động giảng dạy, thực hành của người học và nghiên cứu cơ bản của giảng viên theo kế hoạch đào tạo của Trường. Hoạt động hợp tác với doanh nghiệp không được gây gián đoạn, ảnh hưởng hoặc làm thay đổi lịch trình đào tạo đã phê duyệt;

b) Việc vận hành, khai thác hạ tầng kỹ thuật phải đúng quy định pháp luật, bảo đảm an toàn cháy nổ, an toàn lao động, an ninh mạng và không làm hư hỏng, thất thoát tài sản công của Nhà trường.

2. Đối với các dự án hợp tác, hợp đồng dịch vụ có khai thác cơ sở vật chất

của Trường, đơn vị được giao quản lý tài sản chịu trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng phương án khai thác, tính toán mức khấu hao tài sản và định mức tiêu hao nguyên vật liệu để trình Hiệu trưởng phê duyệt nhằm bảo đảm hạch toán đúng quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

3. Nhà trường khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ về thủ tục, hạ tầng nghiên cứu, trang thiết bị dùng chung và dịch vụ tư vấn công nghệ của Trường đối với các hoạt động khởi nghiệp sáng tạo (Startup) nhằm phục vụ mục đích thử nghiệm công nghệ và phát triển sản phẩm mới.

Điều 14. Cơ chế tài chính, quản lý phí và phân chia thu nhập

1. Mọi nguồn thu từ các hợp đồng nghiên cứu và phát triển (R&D), hợp đồng dịch vụ khoa học công nghệ, chuyển giao công nghệ hoặc các nguồn tài trợ hợp pháp từ hoạt động hợp tác phải được chuyển về tài khoản của Trường.

2. Hoạt động hợp tác khoa học và công nghệ có phát sinh doanh thu phải thực hiện nghĩa vụ trích tỷ lệ quản lý phí về quỹ chung của Nhà trường phục vụ tái đầu tư hạ tầng theo đúng quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường Đại học Điện lực.

3. Việc phân chia nguồn thu nhập từ hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu của Trường phải trích tỷ lệ thù lao tối thiểu cho tác giả (hoặc nhóm tác giả) sáng chế, giải pháp hữu ích, phần mềm theo đúng quy định tại Nghị định số 268/2025/NĐ-CP và các quy định quản lý tài chính hiện hành của Trường nhằm khuyến khích, thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo.

Điều 15. Kiểm soát rủi ro tài chính và xử lý vi phạm

1. Đơn vị và cá nhân chủ trì dự án hợp tác có trách nhiệm quyết toán kinh phí theo đúng tiến độ quy định trong hợp đồng; hoàn thiện đầy đủ chứng từ hạch toán kế toán gửi Phòng Kế hoạch Tài chính thẩm định sau khi kết thúc dự án hoặc kết thúc từng giai đoạn của dự án.

2. Nhà trường sẽ xem xét việc đình chỉ thực hiện dự án hợp tác đối với các đơn vị, cá nhân có dấu hiệu vi phạm nguyên tắc quản lý tài chính, sử dụng kinh phí sai mục đích, chậm quyết toán không có lý do chính đáng hoặc để xảy ra hư hỏng, thất thoát tài sản công của Trường. Các cá nhân vi phạm phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại vật chất và bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và của Nhà trường.

3. Trách nhiệm và nguyên tắc bồi hoàn

a) Các hợp đồng, văn bản hợp tác ký kết với đối tác bên ngoài phải quy định cụ thể trách nhiệm vật chất, mức bồi thường thiệt hại và cơ chế xử lý khi một trong các bên làm hư hỏng tài sản hoặc vi phạm nghĩa vụ hợp đồng. Việc xác định và thực hiện trách nhiệm bồi thường thiệt hại được thực hiện theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan;

b) Đối với đơn vị và cá nhân làm hư hỏng, thất thoát tài sản công hoặc sử dụng kinh phí sai mục đích thì giá trị bồi hoàn được xác định dựa trên giá trị thiệt hại thực tế hoặc chi phí khôi phục lại tài sản do Hội đồng định giá của Trường xác định, đồng thời xử lý kỷ luật theo quy định.

CHƯƠNG V. HỢP TÁC QUỐC TẾ VÀ ĐẢM BẢO AN TOÀN, AN NINH

Điều 16. Quản lý kinh phí và nguồn tài trợ quốc tế

1. Các nguồn kinh phí tài trợ, viện trợ phi chính phủ nước ngoài, kinh phí thực hiện hợp đồng quốc tế, học bổng, hỗ trợ chuyên gia và các nguồn thu hợp pháp khác từ nước ngoài phải được tiếp nhận, quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của nhà tài trợ, các điều khoản hợp đồng đã ký kết và quy định quản lý tài chính của Nhà trường.

2. Nhà trường nghiêm cấm việc tiếp nhận, sử dụng các nguồn kinh phí hoặc tài trợ quốc tế có kèm theo các điều kiện trái với quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến tính độc lập học thuật, chủ quyền quốc gia, bí mật nhà nước, an toàn dữ liệu, quyền sở hữu trí tuệ hoặc xâm hại đến uy tín, lợi ích hợp pháp của Trường.

Điều 17. Tiếp nhận hiện vật và thiết bị viện trợ quốc tế

1. Mọi hoạt động tiếp nhận tài trợ, viện trợ bằng hiện vật, máy móc, trang thiết bị nghiên cứu, phần mềm hoặc bản quyền công nghệ từ các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài phải được thực hiện đúng quy định pháp luật của Nhà nước về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại.

2. Đơn vị đầu mối của Trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với đơn vị thụ hưởng hoàn thiện hồ sơ báo cáo, trình Hiệu trưởng thông qua để gửi Bộ Công Thương xem xét, lấy ý kiến thẩm định của các Bộ, ngành liên quan và ban hành Quyết định phê duyệt tiếp nhận viện trợ theo đúng quy trình hành chính hiện hành.

3. Nhà trường tuyệt đối không tiếp nhận các hệ thống máy móc, thiết bị, linh kiện, phần mềm hoặc công nghệ thuộc các trường hợp sau:

a) Nằm trong danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu, thiết bị rác thải công nghệ hoặc không làm rõ được nguồn gốc xuất xứ;

b) Thiết bị chứa phần mềm gián điệp, mã độc, phần mềm không rõ nguồn gốc có nguy cơ can thiệp, làm tổn hại hoặc đe dọa đến an ninh mạng hệ thống thông tin của Nhà trường và an ninh quốc gia;

c) Thiết bị có cấu trúc tính năng nhạy cảm có khả năng vi phạm các quy định pháp luật về kiểm soát chuyển giao công nghệ hạn chế hoặc an ninh quốc phòng khi chưa có văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

4. Sau khi có Quyết định phê duyệt tiếp nhận chính thức của cấp có thẩm quyền và hoàn tất thủ tục liên quan, đơn vị thụ hưởng phải phối hợp với Phòng Kế hoạch Tài chính và đơn vị quản lý tài sản tiến hành kiểm kê, đánh giá giá trị, lập biên bản bàn giao để thực hiện hạch toán tăng tài sản công của Nhà trường theo đúng quy định.

Điều 18. Trao đổi chuyên gia, giảng viên và người học

1. Các hoạt động tiếp nhận chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài đến làm việc tại Trường và hoạt động cử viên chức, người lao động, người học của Trường đi nước ngoài để thực hiện đồng hướng dẫn nghiên cứu, thực tập, khảo sát, tham dự hội nghị, hội thảo khoa học trong khuôn khổ hợp tác phải bảo đảm thực hiện đúng, đầy đủ các thủ tục về xuất nhập cảnh, quản lý người nước ngoài, các quy định về bảo hiểm, an toàn cá nhân, bảo mật thông tin và chế độ tài chính hiện hành.

2. Cá nhân tham gia các hoạt động trao đổi quốc tế có trách nhiệm tuân thủ nghiêm pháp luật Việt Nam, pháp luật nước sở tại, quy định của đối tác, các chuẩn mực về đạo đức nghiên cứu và quy định bảo mật của Nhà trường; giữ gìn hình ảnh đất nước, con người Việt Nam, uy tín và thương hiệu của Trường Đại học Điện lực; tuân thủ quy định về đối ngoại, phát ngôn và thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo sau khi kết thúc chuyến công tác, học tập hoặc nghiên cứu.

Điều 19. Đảm bảo an toàn, an ninh và kiểm soát tuân thủ

1. Đối với các chương trình, dự án hợp tác có sử dụng hoặc phát sinh các thiết bị, vật liệu nhạy cảm, công nghệ thuộc danh mục hạn chế chuyển giao, công nghệ chiến lược, hoặc các hoạt động có yêu cầu đặc biệt về an toàn điện, an toàn phòng thí nghiệm, an ninh mạng, đơn vị chủ trì bắt buộc phải xây dựng phương án đảm bảo an toàn chi tiết và thông qua khâu thẩm định chuyên môn của các đơn vị chức năng trước khi trình Hiệu trưởng phê duyệt triển khai.

2. Khi phát sinh các sự cố về mất an toàn lao động, rò rỉ dữ liệu, vi phạm cam kết bảo mật thông tin, tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ, đơn vị chủ trì có trách

nhệm báo cáo khẩn cấp cho Hiệu trưởng thông qua Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế để tìm phương án xử lý, khắc phục.

CHƯƠNG VI. GIÁM SÁT, NGHIỆM THU VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 20. Giám sát, nghiệm thu và đánh giá kết quả hợp tác

1. Đơn vị chủ trì phối hợp với Phòng QLKH&HTQT và Phòng Kế hoạch Tài chính tiến hành theo dõi, kiểm tra chặt chẽ tiến độ triển khai, chất lượng chuyên môn, tình hình sử dụng tài chính, tài sản công, an toàn dữ liệu và việc thực hiện các cam kết nghĩa vụ quy định trong hợp đồng; kịp thời báo cáo Hiệu trưởng bằng văn bản khi phát sinh rủi ro hoặc lệch hướng so với mục tiêu ban đầu.

2. Hoạt động nghiệm thu kết quả hợp tác được thực hiện theo các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng. Bộ hồ sơ bao gồm:

- Hợp đồng;
- Biên bản nghiệm thu chuyên môn;
- Biên bản bàn giao sản phẩm/chuyển giao công nghệ;
- Biên bản thanh lý hợp đồng

Hồ sơ hợp pháp là căn cứ duy nhất để Trường thực hiện các thủ tục thanh quyết toán tài chính, phân chia lợi ích kinh tế (nếu có) và lưu trữ hồ sơ khoa học theo quy định.

Điều 21. Xử lý vi phạm và chấm dứt hợp tác trước thời hạn

1. Nhà trường xem xét quyết định tạm dừng hoặc chấm dứt hoạt động hợp tác trước thời hạn khi đối tác hoặc đơn vị triển khai thuộc Trường vi phạm một trong các trường hợp sau:

- a) Vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ đã cam kết trong hợp đồng hoặc không bảo đảm tiến độ, chất lượng sản phẩm như thỏa thuận;
- b) Vi phạm các cam kết về an toàn phòng thí nghiệm, an ninh mạng, rò rỉ dữ liệu hoặc xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của Trường hoặc của bên thứ ba;
- c) Tự ý sử dụng sai mục đích tài sản công, không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tài chính hoặc phát sinh các rủi ro pháp lý nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến uy tín của Nhà trường.

2. Khi quyết định chấm dứt hợp tác trước thời hạn, văn bản xử lý phải xác định rõ ràng trách nhiệm tài chính của các bên, quyền sở hữu đối với các kết

quả/tài sản trí tuệ đã hình thành, nghĩa vụ tiếp tục bảo mật thông tin, phương án bàn giao lại tài sản công, xử lý dữ liệu và mức bồi thường thiệt hại vật chất (nếu có) theo đúng quy định pháp luật.

CHƯƠNG VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Giám hiệu

1. Chịu trách nhiệm chung về hoạt động hợp tác khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học của Nhà trường; quyết định phê duyệt chủ trương, trực tiếp ký kết hoặc ủy quyền ký kết văn bản hợp tác, ký kết hợp đồng về KHCN&ĐMST theo đúng quy định.

2. Trực tiếp chỉ đạo, giám sát công tác thẩm định nội dung chuyên môn, rà soát hồ sơ an ninh đối ngoại, quản lý rủi ro tài chính và bảo đảm an toàn thông tin đối với các chương trình, dự án hợp tác.

3. Phê duyệt kế hoạch triển khai, phương án khai thác tài sản công, định mức tiêu hao, tỷ lệ phân chia nguồn thu thương mại hóa và quyết định ban hành các Quyết định tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học, quyết định khen thưởng công bố quốc tế theo quy định.

Điều 23. Trách nhiệm và quyền hạn của Phòng QLKH&HTQT

1. Là đơn vị đầu mối tham mưu cho Ban Giám hiệu quản lý tập trung toàn bộ danh mục hợp tác, chương trình, dự án nghiên cứu và hoạt động Hội nghị, hội thảo khoa học trong và ngoài nước của Nhà trường.

2. Hướng dẫn các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường về hồ sơ, quy trình đề xuất; chủ trì tổ chức thẩm định chuyên môn học thuật, rà soát tính pháp lý và các cam kết về sở hữu trí tuệ của văn bản hợp tác trước khi trình Hiệu trưởng ký kết.

3. Đầu mối thực hiện các thủ tục hành chính, hoàn thiện hồ sơ báo cáo Bộ Công Thương và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền liên quan đến hoạt động tổ chức Hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế hoặc tiếp nhận viện trợ thiết bị, máy móc từ nước ngoài.

4. Tổ chức giám sát, kiểm tra tiến độ thực hiện các dự án hợp tác; thực hiện lưu trữ hồ sơ gốc; định kỳ tổng hợp dữ liệu kết quả hợp tác phục vụ công tác quản lý chung của Nhà trường.

Điều 24. Trách nhiệm và quyền hạn của Phòng Kế hoạch Tài chính

1. Chủ trì kiểm soát dự toán kinh phí, rà soát chặt chẽ các điều khoản liên quan đối với tất cả các văn bản hợp tác có phát sinh tài chính.

2. Hướng dẫn, kiểm tra và giám sát các đơn vị chủ trì dự án thực hiện thủ tục mở tài khoản, tiếp nhận viện trợ, tạm ứng, thanh quyết toán kinh phí hợp tác, hạch toán tăng tài sản công theo đúng Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường và các quy định pháp luật về kế toán, thuế.

3. Tham mưu cho Hiệu trưởng các biện pháp chế tài tài chính thu hồi kinh phí đối với các dự án hợp tác vi phạm kỷ luật quản lý tài chính hoặc chậm quyết toán không có lý do chính đáng.

Điều 25. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường

1. Tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ, đúng nội dung, tiến độ và các cam kết đã được phê duyệt trong văn bản hợp tác, chương trình, dự án hoặc nhiệm vụ KHCN&ĐMST; chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về việc quản lý nhân sự tham gia, kinh phí, dữ liệu, tài sản, kết quả nghiên cứu và chất lượng các sản phẩm khoa học được giao. Trường hợp phát sinh các điều chỉnh nội dung, nhân sự, tiến độ hoặc mục tiêu thực hiện, đơn vị chủ trì có trách nhiệm kịp thời báo cáo và đề xuất Hiệu trưởng xem xét, quyết định theo quy định.

2. Thực hiện các biện pháp quản lý nhằm bảo đảm an toàn cho nhân sự tham gia; quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả; bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu, mã nguồn, tài liệu chuyên môn và tài sản công của Trường trong suốt quá trình triển khai hoạt động hợp tác. Cá nhân tham gia hoạt động hợp tác có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định của Trường và hướng dẫn của đơn vị chủ trì về an toàn, bảo mật thông tin, quản lý tài sản và quản lý tài chính.

3. Chủ động phối hợp với Phòng QLKH&HTQT và các đơn vị liên quan trong việc chuẩn bị hồ sơ, thực hiện thủ tục xin phép, báo cáo cơ quan có thẩm quyền khi tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học có yếu tố nước ngoài; tiếp nhận chuyên gia nước ngoài; tiếp nhận viện trợ, tài trợ, thiết bị hoặc các nguồn lực khác từ tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật và của Trường.

4. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo, công bố thông tin và cung cấp hồ sơ theo quy định; gửi báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất (khi có yêu cầu) và báo cáo tổng kết sau khi kết thúc hoạt động hợp tác, chương trình hoặc dự án về Trường (thông qua Phòng QLKH&HTQT) đúng thời hạn.

5. Thực hiện cập nhật, công khai thông tin về năng lực KHCN&ĐMST, chuyên gia, cơ sở dữ liệu nghiên cứu, phòng thí nghiệm, trang thiết bị và hạ tầng nghiên cứu thuộc phạm vi quản lý của đơn vị trên hệ thống dữ liệu dùng chung của Trường theo quy định, nhằm tăng cường kết nối, chia sẻ nguồn lực và thúc đẩy các cơ hội hợp tác.

CHƯƠNG VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Điều khoản thi hành

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Các nội dung liên quan đến hoạt động hợp tác trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại các văn bản khác của Trường trái với Quy định này đều bãi bỏ.

2. Các vấn đề chưa được điều chỉnh tại Quy định này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và các văn bản có liên quan của Trường.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các đơn vị có trách nhiệm phản ánh bằng văn bản về Phòng QLKH&HTQT để tổng hợp, báo cáo Hiệu trưởng xem xét, quyết định.

Điều 27. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các chương trình, dự án, nhiệm vụ KH&CN&ĐMST; các hợp đồng, thỏa thuận hợp tác đã được ký kết hoặc phê duyệt trước ngày Quy định này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện theo nội dung đã được phê duyệt hoặc ký kết, trừ trường hợp các bên thống nhất sửa đổi, bổ sung để phù hợp với Quy định này và các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Trường hợp các chương trình, dự án, nhiệm vụ, hợp đồng hoặc thỏa thuận quy định tại khoản 1 Điều này được sửa đổi, bổ sung, gia hạn hoặc ký kết mới sau ngày Quy định này có hiệu lực thì phải thực hiện theo các quy định tại Quy định này và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Phòng QLKH&HTQT chủ trì rà soát, xây dựng, cập nhật các quy trình, hồ sơ, biểu mẫu và hướng dẫn thực hiện nhằm bảo đảm thống nhất với Quy định này. /.


HIỆU TRƯỞNG
Đinh Văn Châu